

Số: 2357/QĐ-BTP

Hà Nội, ngày 12 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư

BỘ TRƯỞNG BỘ TƯ PHÁP

Căn cứ Luật Luật sư số 65/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Luật sư số 20/2012/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 98/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư; Nghị định số 137/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư;

Căn cứ Quyết định số 1423/QĐ-BTP ngày 15 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ủy quyền cho Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ thực hiện một số nhiệm vụ thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;

Xét đề nghị của Cục Bổ trợ tư pháp tại Báo cáo số 646/BC-BTTP ngày 09 tháng 12 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư cho **09** cá nhân theo quy định tại Điều 17 của Luật Luật sư trên cơ sở đề nghị của Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Bổ trợ tư pháp, Giám đốc Sở Tư pháp, Ban chủ nhiệm Đoàn Luật sư các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cá nhân có tên trong danh sách nêu tại Điều 1 có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TL. BỘ TRƯỞNG
CỤC TRƯỞNG CỤC BỔ TRỢ TƯ PHÁP

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Thủ trưởng Mai Lương Khôi (để báo cáo);
- Liên đoàn Luật sư Việt Nam;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, Cục BTTP.

Lê Xuân Hồng

BỘ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH SÁCH
CÁ NHÂN ĐƯỢC CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ LUẬT SƯ

(kèm theo Quyết định số 2357/QĐ-BTP ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

TT	Sở Tư pháp tỉnh/thành phố	Họ và tên	Số CCHNLS	Nam	Nữ	Ngày tháng năm sinh			Địa chỉ thường trú	Thông tin hồ sơ
I. TRƯỜNG HỢP ĐẠT YÊU CẦU KIỂM TRA KẾT QUẢ TẬP SỰ HÀNH NGHỀ LUẬT SƯ										
1.	Thành phố Hồ Chí Minh	Uông Thị Thuận	25539		x	14	12	1992	Phường 16, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh	
2.	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Tràng Cảnh	25540	x		05	7	1982	Xã Tả Thanh Oai, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội	
3.	Thành phố Hồ Chí Minh	Huỳnh Anh Tú	25541	x		17	11	1997	Phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh	
4.	Thành phố Hồ Chí Minh	Phạm Đình Minh Uyên	25542		x	24	11	1997	Phường 14, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	
5.	Thành phố Hồ Chí Minh	Trần Hải Yến	25543		x	28	12	1998	Xã Hàm Chính, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận	
6.	Cà Mau	Phạm Văn Tâm	25544	x		10	4	1980	Xã Hàm Rồng, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau	
II. TRƯỜNG HỢP ĐƯỢC MIỄN ĐÀO TẠO VÀ TẬP SỰ HÀNH NGHỀ LUẬT SƯ										
7.	Hà Nội	Phan Hồng Anh	25545		x	16	11	1975	Xã Tân Triều, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội	Đã là kiểm sát viên
8.	Thái Nguyên	Đồng Huy	25546	x		07	8	1963	Phường Phan Đình Phùng, thành phố	Đã là thẩm

TT	Sở Tư pháp tỉnh/thành phố	Họ và tên	Số CCHNLS	Nam	Nữ	Ngày tháng năm sinh			Địa chỉ thường trú	Thông tin hồ sơ
		Hường							Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	phán
9.	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Thị Nhoán	25547		x	10	6	1986	Phường 15, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	Đã là thẩm phán